

Số: 2087/KH-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 8 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

**Quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2026**

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tỉnh ủy Gia Lai về kế hoạch biên chế giai đoạn 2022-2026 (gắn với lộ trình tinh giản biên chế);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý, sử dụng, tinh giản biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Gia Lai (cấp tỉnh, cấp huyện) giai đoạn 2022-2026, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, có hiệu quả lộ trình kế hoạch tinh giản biên chế của Tỉnh ủy phù hợp với Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Kết luận của Bộ Chính trị; Quy định, Quyết định của Bộ Chính trị, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ.

- Thống nhất về nhận thức của hệ thống chính trị nhằm quyết tâm thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo lộ trình tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ chính trị; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

### **2. Yêu cầu**

- Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc thực hiện tinh giản biên chế, quản lý, sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định.

- Việc quản lý, sử dụng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng biên chế được giao; đảm bảo tinh giản biên chế theo đúng lộ trình và tỷ lệ quy định, quản lý và sử dụng có hiệu quả biên chế được giao.

## **II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi, đối tượng**

Thực hiện quản lý, sử dụng và tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền (cấp tỉnh, cấp huyện) thuộc tỉnh.

### **2. Mục tiêu, lộ trình tinh giản và dự kiến biên chế từng năm**

#### **2.1. Mục tiêu**

- Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tỉnh ủy Gia Lai về kế hoạch biên chế giai đoạn 2022-2026 (gắn với lộ trình tinh giản biên chế). Đến năm 2026, giảm 5% biên chế công chức trong các cơ quan, tổ

chức hành chính và giảm 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Cụ thể: đến năm 2026, biên chế khối chính quyền là 27.429 biên chế, trong đó 2.543 biên chế công chức và 24.886 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Cơ cấu lại biên chế phù hợp với vị trí việc làm và cơ cấu bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **2.2. Lộ trình tinh giản và cơ cấu lại biên chế phù hợp vị trí việc làm, cơ cấu tổ chức bộ máy**

### **a) Lộ trình tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026**

#### **- Đối với biên chế công chức hành chính:**

- + Mốc tinh giản biên chế năm 2021 là: 2.677 biên chế;
- + Năm 2022: 2.677 biên chế;
- + Năm 2023: 2.677 biên chế, giữ nguyên số đã giao năm 2022;
- + Năm 2024: 2.677 biên chế, giữ nguyên số đã giao năm 2023;
- + Năm 2025: 2.614 biên chế, giảm 63 biên chế so với năm 2024;
- + Năm 2026: 2.543 biên chế, giảm 71 biên chế so với năm 2025.

Tổng giai đoạn 2022-2026 giảm 134 biên chế tương ứng giảm 5% biên chế công chức được giao năm 2021.

#### **- Đối với số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước:**

- + Mốc tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2021 là: 26.407 người;
- + Năm 2022: 24.859 người, giảm 1.548 người so với năm 2021;
- + Năm 2023: 26.103 người.

Trong đó, bổ sung 1.244 chỉ tiêu số lượng người làm việc sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung theo Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị.

- + Năm 2024: 26.103 người, giữ nguyên số đã giao năm 2023;
- + Năm 2025: 25.496 người, giảm 607 người so với năm 2024;
- + Năm 2026: 24.886 người; giảm 610 người so với năm 2025.

Tổng giai đoạn 2022-2026 giảm 2.765 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng giảm 10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao năm 2021 (đã bao gồm số lượng người làm việc sự nghiệp giáo dục được bổ sung).

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

### **b) Cơ cấu biên chế gắn với vị trí việc làm và cơ cấu tổ chức bộ máy**

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu

quả theo Nghị quyết 18, Nghị quyết 19 của Trung ương bảo đảm đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ; Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, của tỉnh về tinh giản biên chế; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của cả hệ thống chính trị trong quyết tâm thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện tinh giản biên chế.

2. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, kiện toàn cơ cấu bộ máy cơ quan, tổ chức hành chính đáp ứng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, có cơ cấu hợp lý, đảm bảo tiêu chí thành lập tổ chức, đáp ứng yêu cầu về nhân lực tối thiểu, có cơ cấu lãnh đạo quản lý theo đúng quy định của pháp luật và ít hơn công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; Rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo hướng nâng cao mức độ tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nhất là đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác.

3. Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập làm cơ sở xác định biên chế của các cơ quan, đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn; rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm gắn với đánh giá, xếp loại công chức, viên chức.

4. Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế, kiên quyết thực hiện tinh giản cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí việc làm, không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn về trình độ, năng lực quy định, không đảm bảo sức khỏe và những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương**

- Tổ chức quán triệt nội dung kế hoạch này đến toàn thể công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện nghiêm túc các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Kế hoạch này và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Thực hiện nghiêm túc lộ trình tinh giản biên chế theo Kế hoạch; kết quả thực hiện tinh giản biên chế là một trong những căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục chủ động việc rà soát, đề xuất cấp thẩm quyền sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương mình chủ động xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị theo hướng dẫn của Bộ, ngành, cơ quan liên quan trình cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và báo cáo cơ quan cấp trên theo dõi, quản lý.

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quy định về chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương biết, thực hiện; có (xây dựng) kế hoạch tinh giản biên chế theo lộ trình, hàng năm lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo đúng quy định đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng tinh giản.

## **2. Sở Nội vụ**

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, giao biên chế hàng năm theo kế hoạch tinh giản biên chế; theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Gắn việc xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm với rà soát, sắp xếp bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; theo dõi, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định, tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc sử dụng hiệu quả (tuyển dụng mới hoặc cắt giảm) số biên chế chưa sử dụng, dôi dư do sắp xếp bộ máy, nhân sự, vị trí việc làm, thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị sớm hoàn thiện việc xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, cơ cấu chức danh nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở vị trí việc làm được phê duyệt, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, kết quả thực hiện lộ trình tinh giản biên chế trong các tổ chức hành chính giao Sở Nội vụ xây dựng Đề án: “Rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh Gia Lai” nhằm cơ cấu lại biên chế theo vị trí việc làm, phù hợp thực trạng bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh trình Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

- Tăng cường công tác thanh tra và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện không nghiêm và không có hiệu quả tỷ lệ tinh giản biên chế, đối tượng tinh giản biên chế.

### 3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ; thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề liên quan đến việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đề xuất sửa đổi mức khoán kinh phí hỗ trợ cho hợp đồng lao động làm công tác hỗ trợ phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo đúng quy định để có cơ sở áp dụng trong năm 2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp, đề xuất) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trương Hải Long**



TT	Đơn vị	Hiện trạng		Tổng cộng	Kế hoạch cắt giảm từng năm				Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đến năm 2026	Ghi chú
		Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đã giao năm 2022	Số biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>5</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>									
	Hành chính	49		3			1	2	46	
<b>6</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>									
	Hành chính	47		2			1	1	45	
	Sự nghiệp	7							7	
<b>7</b>	<b>Sở Nội vụ</b>									
	Hành chính	66		3			1	2	63	
	Sự nghiệp	16		1			1		15	
<b>8</b>	<b>Sở Công Thương</b>									
	Hành chính	36		1			1		35	
	Sự nghiệp	15							15	
<b>9</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</b>									
	Hành chính	484		26			12	14	458	
	Sự nghiệp	441		21			10	11	420	
<b>10</b>	<b>Sở Y tế</b>									
	Hành chính	62		3			1	2	59	
	Sự nghiệp	2.950							2.950	
<b>11</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>									
	Hành chính	49		3			2	1	46	
	Sự nghiệp	2.451	101	133			66	67	2.419	
<b>12</b>	<b>Sở Xây dựng</b>									
	Hành chính	36		1				1	35	
<b>13</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>									
	Hành chính	40		2			1	1	38	
	Sự nghiệp	81		4			2	2	77	



TT	Đơn vị	Hiện trạng		Tổng cộng	Kế hoạch cắt giảm từng năm				Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đến năm 2026	Ghi chú
		Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đã giao năm 2022	Số biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>14</b>	<b>Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch</b>									
	Hành chính	44		3			1	2	41	
	Sự nghiệp	164							164	
<b>15</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>									
	Hành chính	30		1			1		29	
	Sự nghiệp	10							10	
<b>16</b>	<b>Thanh tra tỉnh</b>									
	Hành chính	38		2			1	1	36	
<b>17</b>	<b>Khối đại biểu dân cử (đại biểu quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh)</b>									
	Hành chính	11							11	
<b>18</b>	<b>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</b>									
	Hành chính	29							29	
<b>19</b>	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>									
	Hành chính	58		3			1	2	55	
	Sự nghiệp	7							7	
<b>20</b>	<b>Ban Dân tộc</b>									
	Hành chính	19							19	
<b>21</b>	<b>Ban quản lý Khu Kinh tế</b>									
	Hành chính	25		1			1		24	
<b>22</b>	<b>Sở Ngoại vụ</b>									
	Hành chính	18							18	
<b>B</b>	<b>Khối ĐVSN thuộc tỉnh</b>	<b>350</b>		<b>18</b>			<b>8</b>	<b>10</b>	<b>332</b>	
<b>1</b>	<b>Cao đẳng Gia Lai</b>									
	Sự nghiệp	189		10			5	5	179	

TT	Đơn vị	Hiện trạng		Tổng cộng	Kế hoạch cắt giảm từng năm				Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đến năm 2026	Ghi chú
		Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đã giao năm 2022	Số biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>2</b>	<b>Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh</b>									
	<i>Sự nghiệp</i>	99		5			2	3	94	
<b>3</b>	<b>BQL VQG Kon Ka Kinh</b>									
	<i>Sự nghiệp</i>	62		3			1	2	59	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>									
	<b>Hành chính</b>	<b>1.367</b>		<b>73</b>			<b>35</b>	<b>38</b>	<b>1.294</b>	
	<b>Sự nghiệp</b>	<b>18.308</b>	<b>1.143</b>	<b>1.009</b>			<b>505</b>	<b>504</b>	<b>18.442</b>	
<b>1</b>	<b>Thành phố Pleiku</b>									
	<i>Hành chính</i>	105		6			3	3	99	
	<i>Sự nghiệp</i>	2.280	148	126			62	64	2.302	
<b>2</b>	<b>Thị xã An Khê</b>									
	<i>Hành chính</i>	81		4			2	2	77	
	<i>Sự nghiệp</i>	813		40			20	20	773	
<b>3</b>	<b>Thị xã Ayun Pa</b>									
	<i>Hành chính</i>	79		5			2	3	74	
	<i>Sự nghiệp</i>	540	15	29			14	15	526	
<b>4</b>	<b>Huyện Đức Cơ</b>									
	<i>Hành chính</i>	79		4			2	2	75	
	<i>Sự nghiệp</i>	999	67	57			28	29	1.009	
<b>5</b>	<b>Huyện Ia Grai</b>									
	<i>Hành chính</i>	79		4			2	2	75	
	<i>Sự nghiệp</i>	1.244	102	69			34	35	1.277	
<b>6</b>	<b>Huyện Chư Prông</b>									
	<i>Hành chính</i>	85		5			2	3	80	
	<i>Sự nghiệp</i>	1.541	92	85			43	42	1.548	

TT	Đơn vị	Hiện trạng		Tổng cộng	Kế hoạch cắt giảm từng năm				Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đến năm 2026	Ghi chú
		Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đã giao năm 2022	Số biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>7</b>	<b>Huyện Ia Pa</b>									
	Hành chính	78		4			2	2	74	
	Sự nghiệp	747	20	38			19	19	729	
<b>8</b>	<b>Huyện Chư Păh</b>									
	Hành chính	78		4			2	2	74	
	Sự nghiệp	1.004	34	52			25	27	986	
<b>9</b>	<b>Huyện KBang</b>									
	Hành chính	78		4			2	2	74	
	Sự nghiệp	1.079	31	56			29	27	1.054	
<b>10</b>	<b>Huyện Krông Pa</b>									
	Hành chính	77		4			2	2	73	
	Sự nghiệp	1.189	90	67			33	34	1.212	
<b>11</b>	<b>Huyện Chư Sê</b>									
	Hành chính	79		4			2	2	75	
	Sự nghiệp	1.415	105	80			40	40	1.440	
<b>12</b>	<b>Huyện Kông Chro</b>									
	Hành chính	77		4			2	2	73	
	Sự nghiệp	832	63	47			24	23	848	
<b>13</b>	<b>Huyện Mang Yang</b>									
	Hành chính	78		4			2	2	74	
	Sự nghiệp	966	76	54			28	26	988	
<b>14</b>	<b>Huyện Đak Đoa</b>									
	Hành chính	81		4			2	2	77	
	Sự nghiệp	1.242	163	76			38	38	1.329	

TT	Đơn vị	Hiện trạng		Tổng cộng	Kế hoạch cắt giảm từng năm				Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đến năm 2026	Ghi chú
		Số biên chế công chức/ số lượng người làm việc đã giao năm 2022	Số biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 được giao bổ sung		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>15</b>	<b>Huyện Đak Pơ</b>									
	Hành chính	78		4			2	2	74	
	Sự nghiệp	588	2	29			15	14	561	
<b>16</b>	<b>Huyện Phú Thiện</b>									
	Hành chính	78		5			2	3	73	
	Sự nghiệp	959	35	51			26	25	943	
<b>17</b>	<b>Huyện Chư Pưh</b>									
	Hành chính	77		4			2	2	73	
	Sự nghiệp	870	100	53			27	26	917	
	<b>Dự phòng sự nghiệp</b>	<b>30</b>		<b>30</b>			<b>15</b>	<b>15</b>		